

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
  - Mã chứng khoán: HID
  - Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại liên hệ: 024 3562 4709
  - Email: info@halcom.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm tài chính 2024.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2024 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm:*  
*Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm tài chính 2024.*

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



Nguyễn Thu Trang



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM**

**QUÝ II NĂM TÀI CHÍNH 2024**



**Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 03
Bảng cân đối kế toán	04 - 05
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	06
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	07
Thuyết minh Báo cáo tài chính	08 - 35



Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 16/11/2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Việt Dũng	Phó chủ tịch
Ông: Nguyễn Văn Lâm	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 31/07/2024
---------------------	---

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Phan Đăng Hoàn	Trưởng ban, miễn nhiệm ngày 26/09/2024
Bà: Trần Bắc Mỹ	Thành viên, miễn nhiệm ngày 26/09/2024
Ông: Nguyễn Trường Giang	Thành viên, miễn nhiệm ngày 26/09/2024
Bà: Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban, được bầu vào BKS ngày 26/9/24, được bổ nhiệm trưởng ban ngày 07/10/2024.
Ông: Nguyễn Đức Quyết	Thành viên, bổ nhiệm ngày 26/09/2024
Bà: Trần Thị Minh Huệ	Thành viên, bổ nhiệm ngày 26/09/2024

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



**Nguyễn Quang Huân**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2024	01/04/2024
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>121,018,445,834</b>	<b>266,240,342,089</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>291,815,254</b>	<b>192,431,713</b>
111	1. Tiền		191,815,254	192,431,713
112	2. Các khoản tương đương tiền		100,000,000	-
130	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>105,249,666,080</b>	<b>262,313,904,604</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	65,910,250,587	129,613,262,298
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	22,307,682,294	128,540,619,768
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	16,850,000,000	3,500,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	518,117,089	996,406,428
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	09	(336,383,890)	(336,383,890)
140	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>13,973,846,160</b>	<b>3,222,024,352</b>
141	1. Hàng tồn kho		13,973,846,160	3,222,024,352
150	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1,503,118,340</b>	<b>511,981,420</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	352,096,256	195,181,925
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		834,222,589	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	316,799,495	316,799,495
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>765,982,730,461</b>	<b>595,065,028,715</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>40,364,401,000</b>	<b>40,364,401,000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	40,364,401,000	40,364,401,000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2,075,552,453</b>	<b>2,307,534,029</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2,075,552,453	2,307,534,029
240	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>64,855,750,969</b>	<b>42,873,473,291</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		64,855,750,969	42,873,473,291
250	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>658,623,730,862</b>	<b>509,272,896,630</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		614,583,957,547	489,583,957,547
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41,000,000,000	41,000,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		38,928,155,570	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(35,888,382,255)	(21,311,060,917)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>63,295,177</b>	<b>246,723,765</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	63,295,177	246,723,765
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>887,001,176,295</b>	<b>861,305,370,804</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2024	01/04/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>102,901,902,159</b>	<b>77,468,440,397</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>83,112,718,032</b>	<b>77,468,440,397</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3,163,431,661	5,658,349,074
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4,965,055,859	2,017,109,421
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3,522,842,163	4,154,135,570
314	4. Phải trả người lao động		1,468,523,048	1,793,979,828
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	869,249,937	860,044,458
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	287,986,191	530,661,444
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	66,805,011,392	60,372,699,121
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2,030,617,781	2,081,461,481
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>19,789,184,127</b>	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	19,789,184,127	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>784,099,274,136</b>	<b>783,836,930,407</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>784,099,274,136</b>	<b>783,836,930,407</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		767,650,320,000	767,650,320,000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		767,650,320,000	767,650,320,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		536,587,297	536,587,297
415	3. Cổ phiếu quỹ		(58,859,397)	(58,859,397)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		2,040,795,104	2,040,795,104
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13,930,431,132	13,668,087,403
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13,668,087,403	11,407,505,954
421b	LNST chưa phân phối năm nay		262,343,729	2,260,581,449
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>887,001,176,295</b>	<b>861,305,370,804</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết t	Từ 01/07/2024	Từ 01/07/2023	Từ 01/04/2024	Từ 01/04/2023
			đến 30/09/2024	đến 30/09/2023	đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	60,491,334,665	51,805,177,041	108,470,597,235	103,362,235,432
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60,491,334,665	51,805,177,041	108,470,597,235	103,362,235,432
11	4. Giá vốn hàng bán	23	42,612,809,194	51,003,875,387	86,898,197,885	100,471,509,017
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17,878,525,471	801,301,654	21,572,399,350	2,890,726,415
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	474,075,723	14,498,907,832	692,217,345	14,499,236,970
22	7. Chi phí tài chính	25	16,268,135,950	13,015,853,335	17,862,974,209	15,167,391,266
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1,379,252,112	1,790,171,971	2,565,289,538	3,602,250,270
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1,904,022,367	4,171,124,460	4,076,953,655	8,288,972,387
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		180,442,877	(1,886,768,309)	324,688,831	(6,066,400,268)
31	11. Thu nhập khác	26	-	-	-	47,345,457
32	12. Chi phí khác	27	19,940,117	-	62,345,102	13,656,806
40	13. Lợi nhuận khác		(19,940,117)	-	(62,345,102)	33,688,651
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		160,502,760	(1,886,768,309)	262,343,729	(6,032,711,617)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		160,502,760	(1,886,768,309)	262,343,729	(6,032,711,617)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	-	-	-	-

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuy	Từ 01/04/2024 đến	Từ 01/04/2023
		ết minh	30/09/2024	đến 30/09/2023
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		262,343,729	(6,032,711,617)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		17,374,592,452	212,601,259
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		231,981,576	231,981,576
03	- Các khoản dự phòng		14,577,321,338	10,877,605,996
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			(14,499,236,583)
06	- Chi phí lãi vay		2,565,289,538	3,602,250,270
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17,636,936,181	(5,820,110,358)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		147,544,735,335	23,938,758,155
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(10,751,821,808)	(272,526,978)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)		(737,190,936)	(9,214,356,338)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		26,514,257	256,589,886
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2,565,289,538)	(3,602,250,270)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		151,153,883,491	5,286,104,097
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(2,863,337,564)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23,100,000,000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9,750,000,000	13,594,085
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(163,928,155,570)	(3,150,000,000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	72,432,750,000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,159,222	739,316
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(177,275,996,348)	66,433,745,837
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn		-	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		135,476,673,060	100,190,530,118
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(109,255,176,662)	(99,889,867,098)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26,221,496,398	300,663,020
50	Lưu chuyển tiền thuần trong Từ 01/04/2024 đến 30/09/24		99,383,541	72,020,512,954
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		192,431,713	611,023,437
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	291,815,254	72,631,536,391

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệu

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Quang Huân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 16/11/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 767.650.320.000 VND; tương đương 76.765.032 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua, bán thương mại vật tư ngành nước, thép cây, thép hình và ống inox các loại.
- Các hoạt động kinh doanh khác.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### Nhân viên

- Tại ngày 30/09/2024 Công ty có 36 nhân viên (Tại ngày 01/04/2024 là 33 nhân viên).

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ, cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

#### 2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.17. Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Giá vốn cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

### **2.19. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho Kỳ kế toán từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

### **2.21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

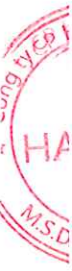
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
Tiền mặt	923,771	19,234,058
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	190,891,483	173,197,655
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	100,000,000	-
	<b>291,815,254</b>	<b>192,431,713</b>

Tại ngày 30/09/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn một tháng có giá trị 100.000.000 VND được gửi tại ngân hàng thương mại Cổ phần công thương Việt Nam với lãi suất 1,6%/năm



4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>614,583,957,547</b>			
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Cần Thơ	186,000,000,000	(35,888,382,255)	489,583,957,547	(21,311,060,917)
- Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	150,100,750,000	(35,888,382,255)	-	-
- Công ty Cổ phần VSED	600,000,000	-	600,000,000	(21,311,060,917)
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152,883,207,547	-	152,883,207,547	-
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	125,000,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	-	-	-	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>41,000,000,000</b>			
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	41,000,000,000	-	-	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>38,928,155,570</b>			
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	38,928,155,570	-	-	-
	<b>694,512,113,117</b>	<b>(35,888,382,255)</b>	<b>530,583,957,547</b>	<b>(21,311,060,917)</b>

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2024 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Cần Thơ (i)	Ninh Kiều, Cần Thơ	96.88%	96.88%	(i) Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. với số vốn điều lệ: 150 tỷ đồng; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/01/2024. Vốn điều lệ 192 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Quy Nhơn, Bình Định	51.00%	51.00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 22/04/2022. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.
- Công ty Cổ phần VSED	Thanh Xuân, Hà Nội	60.00%	60.00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107859387 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/05/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 24/07/2017. Vốn điều lệ 1 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Thẩm tra, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, tư vấn giám sát thi công các dự án.
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Thuận Thành, Bắc Ninh	93.61%	93.61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/03/2019. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
- Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Đồng Hới, Quảng Bình	52.82%	96.15%	Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021 với số vốn điều lệ: 130 tỷ đồng. . Công ty hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.
- Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Đồng Hới, Quảng Bình	0.00%	0.00%	Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ: 100 tỷ đồng. Hiện chưa có đồng nào thực hiện góp vốn. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Sản xuất điện., Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn chờ xúc tiến dự án.

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2024 như sau:

**Tên công ty liên doanh, liên kết**

<b>Tên công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
- Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Phù Cát, Bình Định	39,42%	39,42%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101521292 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 07/08/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/07/2021. Vốn điều lệ 104 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: khai thác, xử lý và cung cấp nước. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.



**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần ĐTCCOM	9,770,883,047	-	9,770,883,047	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Kinh doanh vật tư thiết bị Hồng Hà	1,682,529,085	-	6,088,029,085	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	4,233,143,860	-	4,119,044,453	-
- Công ty CP Thương mại và tư vấn Tân Cơ	1,824,379,674	-	8,277,325,280	-
- Công ty TNHH Tài chính Thịnh vượng	8,661,600,000	-	7,419,600,000	-
- Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn DDP Group	9,363,600,000	-	-	-
- Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Findirect	3,412,800,000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương mại quốc tế Minh Đăng	3,099,600,000	-	-	-
- Công ty CP công nghệ sáng tạo mới Việt Nam	2,332,800,000	-	-	-
- Công ty CP xây lắp Đại Lâm Mộc	2,743,316,671	-	-	-
- Công ty CP Khánh Minh Logistics	2,127,600,000	-	-	-
- Vũ Mạnh Tuấn	4,505,000,000	-	28,685,000,000	-
- Nguyễn Việt Nam	-	-	52,480,000,000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12,152,998,250	(336,383,890)	12,773,380,433	(336,383,890)
	<b>65,910,250,587</b>	<b>(336,383,890)</b>	<b>129,613,262,298</b>	<b>(336,383,890)</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>981,226,592</b>	<b>-</b>	<b>50,000,000</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Tân Thành An (1)	-	-	114,894,351,257	-
- Công ty CP Gia Tuấn Hưng Yên (2)	13,000,000,000	-	13,000,000,000	-
- Công ty CP Nhựa châu Âu xanh (3)	7,692,486,785	-	-	-
- Các đối tượng khác	1,615,195,509	-	646,268,511	-
	<b>22,307,682,294</b>	<b>-</b>	<b>128,540,619,768</b>	<b>-</b>

(1): Là khoản ứng trước cho người bán theo hợp đồng số 175/2022/HAL-TTA ký ngày 17/05/2022 về việc thi công xây dựng dự án "Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội".

(2): Là khoản ứng trước cho người bán theo hợp đồng số 2023.03.16 ký ngày 16/03/2023 về việc "Cung cấp dịch vụ phát triển Dự án điện gió tại Quảng Bình".

(3): Là khoản ứng trước cho người bán theo hợp đồng số 129/2024/HĐMB-EU-HALCOM ngày 12/09/2024 về việc mua bán ống nhựa và phụ kiện sử dụng cho dự án Nước Nhơn Hội.

## 7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	7,200,000,000	-	3,500,000,000	-
- Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	6,000,000,000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	3,650,000,000	-	-	-
- Các khoản phải thu về cho vay khác	-	-	-	-
	<b>16,850,000,000</b>	<b>-</b>	<b>3,500,000,000</b>	<b>-</b>
<b>b) Phải thu về cho vay các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	<b>16,850,000,000</b>	<b>-</b>	<b>3,500,000,000</b>	<b>-</b>

## 8. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu khác	148,612,248	-	351,738,318	-
<i>Đối tượng khác</i>	<i>148,612,248</i>	<i>-</i>	<i>351,738,318</i>	<i>-</i>
- Tạm ứng	351,504,841	-	626,668,110	-
- Ký cược, ký quỹ	18,000,000	-	18,000,000	-
	<b>518,117,089</b>	<b>-</b>	<b>996,406,428</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Phải thu khác	40,000,000,000	-	40,000,000,000	-
<i>Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (*)</i>	<i>40,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>40,000,000,000</i>	<i>-</i>
- Ký cược, ký quỹ	364,401,000	-	364,401,000	-
	<b>40,364,401,000</b>	<b>-</b>	<b>40,364,401,000</b>	<b>-</b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	<b>74,883,000</b>	<b>-</b>	<b>237,158,318</b>	<b>-</b>

(\*): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019:

- Tên Dự án và địa điểm xây dựng: Dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động tại Thôn Tân Long, Xã Hồ Sơn, Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam;
- Quy mô dự án: Cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho khách hàng;
- Tổng mức đầu tư: 200 tỷ (Vốn tự có: 30 tỷ đồng, vốn huy động khác: 170 tỷ đồng)
- Bên được ủy quyền hợp tác đầu tư: Công ty Cổ phần An Lạc Sơn;
- Diện tích đất sử dụng: 4.020 m<sup>2</sup>.
- Thời gian hợp tác 20 năm kể từ ngày Hai bên ký hợp đồng hoặc đến khi hai bên có thỏa thuận khác.
- Theo công văn số 3801/STNMT-QLDD ngày 27/9/2023 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Vĩnh Phúc v/v báo cáo kết quả xác minh việc chồng lấn diện tích đất của Công ty CP Halcom với Vườn quốc gia Tam Đảo thì Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai đến ngày 20/10/2060. Sau khi có ý kiến của Bộ NN và PTNN về điều chỉnh các khu vực chồng lấn ra khỏi quy hoạch vườn Quốc gia Tam đảo, dự án Trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe người lao động của Công ty CP Halcom được UBND tỉnh xem xét gia hạn tiến độ sử dụng đất, điều chỉnh dự án đầu tư, đồng thời Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định thì sẽ được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

## 9. NỢ XẤU

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
+ Phải thu khách hàng	336,383,890	-	336,383,890	-
Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu tái định cư Gia Minh	18,589,032	-	18,589,032	-
Ban QLDA Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường TP. Hải Phòng	185,326,239	-	185,326,239	-
Ban Quản lý Dự án Lưới điện	48,361,364	-	48,361,364	-
BQLDA Năng lượng nông thôn II Phú Thọ	14,603,000	-	14,603,000	-
Ban QLDA Năng lượng nông thôn II Thanh Hoá	45,000,000	-	45,000,000	-
Điện Lực Vĩnh Phúc - Công ty Điện lực	3,904,255	-	3,904,255	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển bền vững TP Lào Cai	20,600,000	-	20,600,000	-
	<b>336,383,890</b>	<b>-</b>	<b>336,383,890</b>	<b>-</b>

## 10. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3,284,068,992	-	3,222,024,352	-
- Hàng hóa	10,689,777,168	-	-	-
	<b>13,973,846,160</b>	<b>-</b>	<b>3,222,024,352</b>	<b>-</b>

**11. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản	64,855,750,969	42,873,473,291
+ Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (1)	55,271,774,736	33,704,542,568
+ Dự án Phương Mai 3 - Resort (2)	6,597,490,470	6,597,490,470
+ Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1 (3)	862,071,947	862,071,947
+ Các dự án khác	2,124,413,816	1,709,368,306
	<b>64,855,750,969</b>	<b>42,873,473,291</b>

(1): Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

(2): Dự án Khu nghỉ dưỡng Phương Mai 3 thuộc địa bàn xã Cát Tiến và Cát Chánh, Huyện Phù Cát tỉnh Bình Định có diện tích 122 ha. Phê duyệt quy hoạch dự án: Q4/2022, Quyết định chủ trương đầu tư: Q1/2023, khởi công Q3/2023, hoàn thành Q3/2025. Tổng mức đầu tư 5.500 tỷ đồng.

(3): Dự án ĐTXD nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1: Công suất 200 MWh, thuộc xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Năm 2019, UBND tỉnh Quảng Bình cấp chủ trương cho Halcom khảo sát tiềm năng điện gió gần bờ tại Quảng Bình tại văn bản số 3525/VPUBND-KT của UBND Tỉnh Quảng Bình ngày 26 tháng 9 năm 2019. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến là 5.000 tỷ đồng.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	6,182,389,090	138,129,871	6,320,518,961
Số dư cuối kỳ	<b>6,182,389,090</b>	<b>138,129,871</b>	<b>6,320,518,961</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	3,881,404,226	131,580,706	4,012,984,932
- Khấu hao trong kỳ	226,573,998	5,407,578	231,981,576
Số dư cuối kỳ	<b>4,107,978,224</b>	<b>136,988,284</b>	<b>4,244,966,508</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	2,300,984,864	6,549,165	2,307,534,029
Tại ngày cuối kỳ	<b>2,074,410,866</b>	<b>1,141,587</b>	<b>2,075,552,453</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là:	2.074.410.866 VND
- Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là:	1.756.593.506 VND

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Chi phí bảo hiểm	142,143,348	70,299,678
- Chi phí thuê văn phòng, thuê GCN quyền sử dụng đất	161,702,500	90,060,000
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	48,250,408	34,822,247
	<b>352,096,256</b>	<b>195,181,925</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ		1,172,727
- Chi phí đào tạo cho Viện Malik	-	186,737,413
- Chi phí trả trước dài hạn khác	63,295,177	58,813,625
	<b>63,295,177</b>	<b>246,723,765</b>



**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/04/2024		Trong kỳ		30/09/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- <i>Vay ngắn hạn</i>	57,372,699,121	57,372,699,121	92,562,517,533	86,130,205,262	63,805,011,392	63,805,011,392
Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (1)	50,372,699,121	50,372,699,121	72,463,734,125	60,930,205,262	61,906,227,984	61,906,227,984
Bà Nguyễn Hoàng Ánh (2)	1,000,000,000	1,000,000,000	-	-	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC (3)	3,100,000,000	3,100,000,000	-	3,100,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung (4)	2,100,000,000	2,100,000,000	20,000,000,000	22,100,000,000	-	-
Ông Võ Trục Điện (5)	800,000,000	800,000,000	-	-	800,000,000	800,000,000
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (6)	-	-	98,783,408	-	98,783,408	98,783,408
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000
Bà Nguyễn Kiều Linh (7)	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	3,000,000,000
	<b>60,372,699,121</b>	<b>60,372,699,121</b>	<b>92,562,517,533</b>	<b>86,130,205,262</b>	<b>66,805,011,392</b>	<b>66,805,011,392</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- <i>Vay dài hạn</i>	-	-	42,914,155,527	23,124,971,400	19,789,184,127	19,789,184,127
Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng (6)	-	-	42,914,155,527	23,124,971,400	19,789,184,127	19,789,184,127
	-	-	42,914,155,527	23,124,971,400	19,789,184,127	19,789,184,127
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	60,372,699,121	60,372,699,121			66,805,011,392	66,805,011,392



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2023/135099/HĐTD ngày 20/09/2023 gồm các điều khoản cụ thể như sau:
  - + Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung nguồn vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
  - + Thời hạn vay: Quy định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - + Lãi suất vay: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - + Số dư gốc vay tại ngày 30/09/2024 là: 61.906.227.984 VND
- (2) Khoản vay của bà Nguyễn Hoàng Ánh theo hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 và kèm theo các phụ lục gia hạn khoản vay và điều chỉnh
  - + Mục đích vay: phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư;
  - + Số tiền vay: 1.000.000.000 VND;
  - + Thời hạn vay: Đến ngày 15/12/2024;
  - + Lãi suất vay: Lãi suất 10%/ năm từ ngày 16/12/2023 đến 15/12/2024;
  - + Số dư gốc vay tại ngày 30/09/2024 là: 1.000.000.000 VND.
- (3) Khoản vay Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC theo hợp đồng số 1611/2020/HĐTV ngày 16/11/2020 và phụ lục gia hạn hợp đồng ngày 31/01/2021 gồm các điều
  - + Mục đích vay: Phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư;
  - + Số tiền vay: 5.000.000.000 VND;
  - + Thời hạn vay: Đến ngày 31/05/2021. Hiện tại đã thanh toán hết công nợ và Thanh lý hợp đồng vay.
  - + Lãi suất vay: 7%/năm;
  - + Số dư gốc vay tại ngày 30/09/2024 là: 0 VND.
- (4) Khoản vay Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung theo các khế ước nhận nợ, mục đích vay thanh toán các khoản chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất áp dụng khoản vay 9% và 10%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/09/2024 là: 0 VND.

- (5) Khoản vay của ông Võ Trục Điện:  
*Hợp đồng vay tiền số: 0612/2021/HĐVT ngày 06/12/2021 và phụ lục gia hạn hợp đồng vay tiền ngày 05/12/2022*
- + Mục đích vay: Phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh, đầu tư;
  - + Số tiền vay: 1.000.000.000 VND;
  - + Thời hạn vay: Đến ngày 05/12/2023. Hiện tại khoản vay này Công ty đang trình quá trình đàm phán để gia hạn nợ.
  - + Lãi suất vay: 10%/năm;
  - + Số dư gốc vay tại ngày 30/09/2024 là: 800.000.000 VND.
- (6) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2024-HĐCVDĐT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, gồm các điều khoản cụ thể sau:
- + Hạn mức tín dụng: 184.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn I;
  - + Thời hạn vay: Tối đa 132 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho vay giải ngân khoản nợ đầu tiên;
  - + Lãi suất vay: Lãi suất được xác định vào ngày giải ngân khoản nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất.
  - + Số dư gốc vay tại ngày 30/09/2024 là: 19.887.967.535 VND
- (7) Khoản vay của bà Nguyễn Kiều Linh theo hợp đồng số 83HĐVT ngày 08/03/2022 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/03/2024 gồm các điều khoản sau:
- + Số tiền vay: 3.000.000.000 VND;
  - + Thời hạn vay: Đến ngày 07/03/2025;
  - + Lãi suất vay: 13,5%/năm;
  - + Số dư gốc vay tại ngày 30/09/2024 là: 3.000.000.000 VND

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/09/2024		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hùng Dũng	1,045,654,251	1,045,654,251	409,994,476	409,994,476
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Áng Dương	57,129,697	57,129,697	4,116,390,877	4,116,390,877
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	54,514,096	54,514,096	54,514,096	54,514,096
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Nguyên Hiếu	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Quốc tế Huy Phúc	-	-	-	-
- Các đối tượng khác	2,006,133,617	2,006,133,617	1,077,449,625	1,077,449,625
	<b>3,163,431,661</b>	<b>3,163,431,661</b>	<b>5,658,349,074</b>	<b>5,658,349,074</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>214,983,500</b>	<b>214,983,500</b>	-	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)</i>				

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- BQLDA Đầu tư xây dựng chương trình phát triển các đô thị loại II	-	347,246,927
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	827,879,000	827,879,000
- Ban QLDA PT tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	192,810,787	392,749,422
- Bộ Nông Lâm Nghiệp Lào	287,627,192	287,627,192
- Các đối tượng khác	3,656,738,880	161,606,880
	<b>4,965,055,859</b>	<b>2,017,109,421</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng		3,400,912,522	442,454,637	765,859,816								3,077,507,343
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	316,799,495	-	-	-	-	-	316,799,495					-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	741,366,966	791,329,678	1,103,113,243								429,583,401
- Các loại thuế khác	-	11,856,082	4,166,057	270,720								15,751,419
	<b>316,799,495</b>	<b>4,154,135,570</b>	<b>1,237,950,372</b>	<b>1,869,243,779</b>			<b>316,799,495</b>					<b>3,522,842,163</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	123,800,288	114,594,809
- Các dự án Trung tâm Nước	745,449,649	745,449,649
	<b>869,249,937</b>	<b>860,044,458</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Tạm ứng	-	2,678,011
- Kinh phí công đoàn	74,112,591	100,299,589
- Bảo hiểm xã hội	105,674,800	296,401,131
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108,198,800	131,282,713
<i>Cổ tức phải trả các cổ đông</i>	<i>44,621,700</i>	<i>44,621,700</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>63,577,100</i>	<i>86,661,013</i>
	<b>287,986,191</b>	<b>530,661,444</b>



20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư tại ngày 01/04/2023	767,650,320,000	536,587,297	(58,859,397)	2,040,795,104	13,407,505,954	783,576,348,958	
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	(4,319,843,359)	(4,319,843,359)	
Số dư tại ngày 01/04/2024	767,650,320,000	536,587,297	(58,859,397)	2,040,795,104	13,668,087,403	783,836,930,407	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	262,343,729	262,343,729	
Số dư tại ngày 30/09/2024	767,650,320,000	536,587,297	(58,859,397)	2,040,795,104	13,930,431,132	784,099,274,136	

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2024	Tỷ lệ	01/04/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Quang Huân	204,648,720,000	26.66%	204,648,720,000	26.66%
Bà Bùi Thị Xuyên	40,000,000,000	5.21%	40,000,000,000	5.21%
Bà Trần Bắc Mỹ	40,000,000,000	5.21%	40,000,000,000	5.21%
Bà Vũ Thị Bích Liên	40,000,000,000	5.21%	40,000,000,000	5.21%
Vốn của các đối tượng khác	443,001,600,000	57.71%	443,001,600,000	57.71%
	<b>767,650,320,000</b>	<b>100%</b>	<b>767,650,320,000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	767,650,320,000	767,650,320,000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	767,650,320,000	767,650,320,000

d) Cổ phiếu

	30/09/2024	01/04/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	76,765,032	76,765,032
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	76,765,032	76,765,032
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76,765,032	76,765,032
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	8,711	8,711
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8,711	8,711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76,756,321	76,756,321
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76,756,321	76,756,321
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000

e) Các quỹ của Công ty

	30/09/2024	01/04/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2,040,795,104	2,040,795,104
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,030,617,781	2,081,461,481
	<b>4,071,412,885</b>	<b>4,122,256,585</b>

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/09/2024	01/04/2024
- Đô la Mỹ	USD	547.86	567.66
- Euro	EUR	246.52	251.62

**22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	83,431,253,881	100,379,708,522
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25,039,343,354	2,982,526,910
	<b>108,470,597,235</b>	<b>103,362,235,432</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	277,777,776	275,252,523

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	80,482,063,323	98,649,377,154
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6,416,134,562	1,822,131,863
	<b>86,898,197,885</b>	<b>100,471,509,017</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	692,217,345	739,703
Lãi bán khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời VKT Hòa An		14,498,497,267
	<b>692,217,345</b>	<b>14,499,236,970</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	2,565,289,538	3,602,250,270
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	14,577,321,338	10,877,605,996
Chi phí tài chính khác	720,363,333	687,535,000
	<b>17,862,974,209</b>	<b>15,167,391,266</b>



**26. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Thu nhập từ tháo dỡ và thanh lý cột do gió Đa Lộc	-	47,345,455
Thu nhập khác	-	2
	<b>-</b>	<b>47,345,457</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

(chi thuyết minh nếu số phát sinh là trọng yếu hoặc có biến động lớn)

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
Tiền lãi chậm nộp thuế, bảo hiểm	62,345,102	13,656,806
	<b>62,345,102</b>	<b>13,656,806</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	262,343,729	(6,032,711,617)
Các khoản điều chỉnh tăng	208,919,102	160,230,806
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	208,919,102	160,230,806
Các khoản điều chỉnh giảm	(1,778,209,870)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1,306,947,039)	(5,872,480,811)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần VSED	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty liên kết
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Người liên quan
Ông Nguyễn Tiến Hân	Người liên quan
Bà Lê Kim Anh	Người liên quan

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 14).

*Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ:*

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2024	Từ 01/04/2023
		đến 30/09/2024	đến 30/09/2023
		VND	VND
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>277,777,776</b>	<b>275,252,523</b>
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con	277,777,776	275,252,523
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>2,796,180,555</b>	<b>763,015,000</b>
Công ty Cổ phần VSED	Công ty con	1,892,180,555	137,760,000
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Người liên quan	199,329,583	96,600,000
Ông Nguyễn Tiến Hân	Người liên quan	52,133,334	39,100,000
Bà Lê Kim Anh	Người liên quan	652,537,083	489,555,000
<b>Doanh thu tài chính</b>		<b>690,058,123</b>	-
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con	119,715,068	-
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con	307,231,945	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con	263,111,110	-

		Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
		VND	VND
<b>Chi phí tài chính</b>		<b>134,219,177</b>	<b>296,095,890</b>
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con	134,219,177	296,095,890
<i>Số dư với các bên liên quan:</i>			
	Mối quan hệ	30/09/2024	01/04/2024
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>981,226,592</b>	<b>50,000,000</b>
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con	248,608,219	50,000,000
Công ty CP Nước Thuận Thành	Công ty con	469,507,263	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con	263,111,110	-
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>16,850,000,000</b>	<b>3,500,000,000</b>
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con	7,200,000,000	3,500,000,000
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con	3,650,000,000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con	6,000,000,000	-
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>		<b>74,883,000</b>	<b>237,158,318</b>
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Cần Thơ	Công ty con	30,058,000	30,058,000
Công ty Cổ phần Nước Halcom - Nhơn Hội	Công ty liên kết	21,319,000	21,319,000
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con	11,753,000	11,753,000
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con	11,753,000	11,753,000
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con	-	162,275,318
<b>Phải trả cho người bán</b>		<b>214,983,500</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần VSED	Công ty con	77,760,000	-
Bà Vũ Thị Minh Hằng	Người liên quan	137,223,500	-
<b>Chi phí phải trả</b>		<b>88,273,972</b>	<b>79,068,493</b>
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Công ty con	88,273,972	79,068,493
<i>Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc</i>			
		Từ 01/04/2024 đến 30/09/2024	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023
		VND	VND
<b>Thu nhập của Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		<b>1,266,191,300</b>	<b>1,438,981,582</b>
- Ông Nguyễn Quang Huân		1,202,000,000	1,200,000,000
- Ông Nguyễn Việt Dũng		64,191,300	238,981,582
<b>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</b>		<b>67,000,000</b>	<b>-</b>
- Ông Phạm Minh Tuấn		67,000,000	-
<b>Thu nhập của Thành viên Ban Kiểm soát</b>		<b>510,777,729</b>	<b>474,627,931</b>
- Ông Phan Đăng Hoàn		262,138,139	250,214,624
- Bà Trần Bắc Mỹ		106,421,772	53,613,307
- Ông Nguyễn Trường Giang		142,217,818	170,800,000
<b>Những người quản lý khác</b>		<b>1,492,341,622</b>	<b>1,463,415,350</b>

### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số liệu của các chỉ tiêu Quý 2 năm tài chính 2023 trên báo cáo này là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng của Quý 2 năm tài chính 2023 đã được lập bởi Công ty chúng tôi.

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Trần Thị Diệu

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

